

NGŨ ĐIỆU “XUỐNG” TRONG TIẾNG ANH Ở NGƯỜI HÀ NỘI VÀ CÁC CÁCH THỂ HIỆN TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG TIẾNG VIỆT

(Dựa trên cứ liệu điều tra điền dã và khảo sát sư phạm)

THE FALLING TONE IN ENGLISH PERFORMED BY THE SPEAKERS OF HANOI AND THE EQUIVALENT EXPRESSIONS IN VIETNAMESE

(Based on the data of field studies and pedagogical investigation)

NGUYỄN HUY KỶ

(TS; Cao đẳng Sư phạm Hà Nội)

Abstract: The author of this article - *The falling tone in English performed by the Speakers of Hanoi and the equivalent expressions in Vietnamese* - especially deals with the communicative value of intonation in English in general, and its falling tone in particular from contrastive linguistics perspectives (that is to show some differences rather than similarities) with what we have called the equivalent expressions both verbal and non-verbal in Vietnamese by the speakers of Hanoi. In terms of prosodic events, it is said to be one of the rather difficult issues for the non-native speakers such as the speakers of Hanoi to have a good command of English because of the abstract features of its own intonation in general and its falling tone in particular.

Keywords: the falling tone; speakers of Hanoi.

1. Dẫn nhập

Chắc hẳn ai cũng công nhận rằng, trong quá trình diễn đạt nói, sẽ là thiếu nếu như chủ thể phát ngôn (speaker) chỉ lưu tâm đến cách kết hợp giữa các từ với nhau theo quy tắc ngữ pháp của một ngôn ngữ nào đó. Cũng tương tự như vậy, trong quá trình học ngoại ngữ - cụ thể là trong lĩnh vực Ngữ âm và Âm vị học tiếng Anh (English Phonetics and Phonology) - sẽ là không đầy đủ nếu người học (learner) chỉ chủ yếu tập trung thể hiện từng âm vị (phoneme) - tức là phát âm đúng từng từ là đủ - mà không chú ý đến sự liên kết giữa các từ theo nhịp nhanh, chậm, nhấn âm làm nổi bật thông tin, lên, xuống giọng... theo quy tắc của ngôn ngữ ấy để diễn đạt ý nghĩa của phát ngôn (utterance)... Tất cả những yếu tố vừa nêu được gọi là hiện tượng ngôn điệu (prosodic events/ features), như trọng âm (stress), tốc độ (speed/ tempo), nhịp điệu (rhythm), ngữ điệu (intonation)... đều thuộc về cách nói (how to speak), hay cụ thể hơn, thường được coi là thuộc về ngữ điệu [1], [2], [3]. Theo quan

niệm, quan điểm và một số công trình nghiên cứu khoa học gần đây của chúng tôi, ngữ điệu là một trong các hiện tượng ngôn điệu có tính tuyến điệu, được thể hiện bằng các thuộc tính cơ bản như cao độ (pitch), cường độ (intensity), và trường độ (length) trong sự hòa kết để thể hiện chiều hướng lên (rise/ rising), xuống (fall/ falling) của giọng nói theo chủ ý của chủ thể phát ngôn, kết hợp với nhịp điệu và ngưng nghỉ (pause), hợp quy luật của từng ngôn ngữ để thực hiện các chức năng (functions) của chính mình nhằm giúp cho việc diễn đạt ngữ nghĩa thông qua các cách dùng của nó trong từng tình huống (situation), ngôn cảnh (context) cụ thể [4], [5], [6]. Vì lẽ đó, chúng ta có thể thấy rằng, trước hết, ngữ điệu tiếng Anh cũng thuộc hệ thống ngữ điệu nói chung, nhưng chắc chắn có những đặc trưng riêng của ngôn ngữ Anh, để từ đó người sử dụng ngôn ngữ (language user) có thể phân biệt được ngữ điệu tiếng Anh với ngữ điệu của ngôn ngữ khác nào đó. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi sẽ chủ yếu tập trung trình bày một cách khái quát nhưng gần

gũi, dễ hiểu và dễ vận dụng - theo cách nhìn và cảm nhận của mình - về một trong các vấn đề liên quan đến ngữ điệu tiếng Anh mà chúng tôi dành sự quan tâm, hướng đến trong bài viết này. Đó là ngữ điệu xuống/ mẫu hình ngữ điệu xuống trong tiếng Anh ở người Hà Nội và các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt.

2. Một số vấn đề trọng yếu có liên quan

2.1. Khái niệm người Hà Nội

Khách quan mà nói, đây là một trong những khái niệm rất khó xác định một cách rạch ròi đến mức có thể cho ta đáp số lí tưởng như trong lĩnh vực khoa học tự nhiên vì còn nhiều quan niệm khác nhau. Tuy nhiên, ‘khái niệm người Hà Nội’ lại đang được giới ngôn ngữ quan tâm một cách thích đáng trong các nghiên cứu của mình. Tác giả bài viết này cũng không phải là một ngoại lệ. Theo đó, chúng tôi thấy rằng có thể sử dụng một số tiêu chí sau đây để tạm thời xác định khái niệm nêu trên:

2.1.1. Về tiêu chí ranh giới địa lí

Chúng tôi cho rằng, trước hết, những ai được coi là người Hà Nội là những người đã (từng) sinh ra và lớn lên trên địa bàn Hà Nội. Sau đó là những người sinh ra và lớn lên trong các khu vực mới được sáp nhập vào Hà Nội, nhưng phải phù hợp và đáp ứng được tiêu chí ngôn ngữ sẽ được quy định trong tiêu mục 2.1.2. Nếu không thì chưa được coi là người Hà Nội, mà chỉ là sống và làm việc trên địa bàn Hà Nội, sẽ không thuộc đối tượng nghiên cứu trong bài viết của tác giả.

2.1.2. Về tiêu chí ngôn ngữ

Nói chung, nếu xét theo bình diện ngôn ngữ thì ai cũng có thể dễ dàng công nhận rằng người Hà Nội sử dụng tiếng Hà Nội được coi là tương đồng, và là tâm điểm của tiếng Việt chuẩn hay tiếng Việt toàn dân [7:152], [8]. Chúng ta có thể thấy thực tế dụng ngôn này được thể hiện rất rõ ở tiếng Việt của các phát thanh viên Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) với tiếng Việt của các phát thanh viên Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội (Hanoi Radio and Television), Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên, Đài Phát thanh - Truyền hình Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ninh, Đài Phát thanh - Truyền hình Hải Phòng... Ngoài ra, một thực tế nữa, theo chúng tôi, cũng cần được nêu thành tiêu chí về ngôn ngữ là người

Hà Nội có khả năng và có thể thể hiện được cả 6 thanh [thanh không dấu, thanh ngã, thanh sắc (thuộc âm vực cao) và thanh huyền, thanh hỏi, thanh nặng (thuộc âm vực thấp)] của tiếng Việt chuẩn [8: 102 – 103]. Tuy nhiên, nếu xét về âm và chữ thì có thể thấy rằng người Hà Nội sử dụng tiếng Hà Nội [8: 157 - 160], [9] không có sự phân biệt về âm nhưng đương nhiên phải phân biệt về chữ, chẳng hạn cùng âm đầu ‘tr’ trong các chữ ‘tr- / ch-’ (như ‘tre’ với âm ‘tr’/ ‘che’, ‘trinh’/ ‘chinh’); cùng âm đầu ‘s’ trong các chữ ‘s-/ x-’ (như ‘sôi’/ ‘xôi’); cùng âm đầu ‘z’ trong các chữ ‘r-/ d-/ gi-’ (như ‘ra’ với âm ‘r’ rung đầu lưỡi, nhưng không tự nhiên, không tiêu biểu /‘da’/ ‘gia’ với âm ‘z’ được phát âm với đầu lưỡi bẹt). Tất cả các phụ âm đầu vừa nêu trên đều được phát âm với đầu lưỡi bẹt, trừ âm ‘r’. Tuy nhiên, nhiều khi, có người phát âm đúng, chuẩn những âm vừa nêu trong các từ đã dẫn, chẳng hạn, lại trở thành không phù hợp, không tự nhiên với chính người Hà Nội gốc. Đó là thực tế ngôn ngữ đã được công nhận và trở nên phổ biến, gần gũi, thân quen, đặc biệt với những ai đã từng sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Hà Nội mến yêu.

Dù muốn hay không, xét cho cùng thì tiêu chí về ranh giới địa lí là cần thiết, nhưng tiêu chí về ngôn ngữ mới là quan trọng, bởi đó là cần yếu, mang tính quyết định góp phần làm sáng tỏ khái niệm người Hà Nội mà người viết bài này đặt ra, hướng tới.

2.2. Khái niệm tiếng Hà Nội

Nếu hiểu một cách cơ bản và khái quát trong Lời nói đầu của cuốn sách Ngôn ngữ, văn hóa Thăng Long - Hà Nội 1000 năm (2010), thì ‘Tiếng của người Hà Nội, nếu nhìn ở bình diện ngôn ngữ thuần túy thì cũng giống như tiếng của các vùng miền khác trên đất nước Việt Nam, thuộc một phương ngữ của tiếng Việt... và, có thể coi là một phần cơ sở của tiếng Việt tiêu chuẩn.’ [7: 5]. Nhưng, nếu nhìn nhận vấn đề đang đặt ra theo Nguyễn Văn Khang [7: 149 - 154], thì tiếng Hà Nội (được hiểu là phương ngữ địa lí – xã hội, không đồng nhất với giọng hoặc chất giọng) nên được xem xét trong mối quan hệ giữa các phương ngữ hoặc tiếng Bắc - Trung-Nam: những gì thuộc về tiếng Bắc là tiếng Hà Nội (trừ tiếng vùng Nghệ An-Hà Tĩnh gọi là tiếng Nghệ). Và, vẫn theo Nguyễn Văn Khang [7: 150], ‘...gọi tất cả những gì thuộc về ‘tiếng Nam’ là ‘tiếng Sài Gòn’, gọi tất cả những gì thuộc về ‘tiếng miền Trung’ là ‘tiếng

Huế'...'. Nếu nhìn nhận vấn đề này một cách cụ thể hơn nữa, Nguyễn Văn Khang [7: 151 – 154] đã rất có lí khi nhìn nhận tiếng Hà Nội trong mối quan hệ với các tiểu phương ngữ của phương ngữ miền Bắc (tiếng Bắc). Đó là giọng, và vì vậy, có trường hợp người ở Hà Nội nhưng nói giọng không giống giọng Hà Nội nên người ta hay nói rằng tiếng Hà Nội (nhìn chung được coi là tâm điểm của tiếng Việt chuẩn hay tiếng Việt miền Bắc) giọng Sơn Tây (thanh huyền được phát âm cao hơn một bậc và có sự xích lại của thanh nặng với thanh huyền); tiếng Hà Nội giọng Hải Phòng, Hải Dương (lẫn lộn trong cách phát âm 'n/ l' (ví dụ 'nên'/'lên'), phát âm 'e' như 'ie' (ví dụ 'nem'/'niem')... [7: 154], [8], [9].

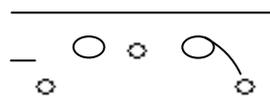
3. Một số phương pháp nghiên cứu chính đã được sử dụng

Vẫn biết rằng, trong quá trình nghiên cứu khoa học, không có phương pháp nghiên cứu nào là độc tôn. Do đó, để có được những kết quả nghiên cứu có giá trị, độ tin cậy và tính khả thi, người nghiên cứu thường phải biết kết hợp một số phương pháp nghiên cứu phù hợp. Tác giả bài viết này cũng vậy. Đó là sự kết hợp của những phương pháp miêu tả (descriptive method), phân tích (analytical), tổng hợp (synthetic), thống kê (statistical), đối chiếu (contrastive) để nhấn mạnh những nét khác biệt hơn là những nét tương đồng nhằm giúp người học dễ hiểu hơn, điều tra điền dã (field studies) và khảo sát sư phạm (pedagogical investigation)... thông qua các tư liệu bằng tiếng, ngôn bản tin, ngôn bản hội thoại (có chuẩn bị và không chuẩn bị), phiếu khảo sát do 300 tư liệu viên (TLV) chuyên và không chuyên Anh (phù hợp với nội dung mục 2 của bài viết này) thực hiện. Trong số 300 TLV, có 30 TLV được sử dụng để thể hiện các ngôn bản tin (có đối chiếu sự thể hiện cùng ngôn bản tin với TLV bản ngữ) nhằm tăng cơ sở thực tế cho việc xác định ngữ điệu xuống (falling tone) trong tiếng Anh ở người Hà Nội và các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt. Các TLV đã được lựa chọn phù hợp về số lượng, trình độ, giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, khu vực địa lí và được mã số hóa [1], [2], [3], [5], [9], [10], [11], [12].

4. Một cách hiểu về ngữ điệu nói chung và ngữ điệu xuống trong tiếng Anh nói riêng

Trong ngôn ngữ học, cụ thể là trong lĩnh vực ngôn điệu (prosody), thì ngữ điệu là thuật ngữ (term) thường hay được sử dụng để diễn đạt sự chuyển dịch cao độ (pitch movement/ pitch direction) của giọng nói diễn ra trong một chuỗi âm thanh lớn hơn âm tiết (syllable) hoặc đơn vị từ (word) [1], [3], [5], [14]. Thông qua sự biến đổi cao độ giọng nói một cách có chủ định, cùng với cường độ, trường độ, sự ngưng nghỉ... chủ ngôn (speaker) muốn diễn đạt một ý nào đó trong ngôn cảnh, tình huống giao tiếp nhất định nhưng không cần phải sử dụng đến bình diện từ vựng hoặc các phương tiện ngữ pháp mà người tiếp thụ phát ngôn (listener) vẫn có thể hiểu được. Hay nói cách khác, chủ ngôn có thể sử dụng phát ngôn ấy trong các cảnh huống khác nhau mà không cần phải thêm bớt các đơn vị từ hoặc thay đổi trật tự cú pháp nhưng người tiếp thụ phát ngôn vẫn có thể hiểu được. Đó chính là sự hành chức thuần túy của ngữ điệu. Mặc dù ai cũng có thể biết rằng ngữ điệu trong mỗi ngôn ngữ có những nét đặc trưng (features), nhưng giữa chúng vẫn có những nét tương đồng (similarities) nhất định như dịch chuyển/ biến đổi cao độ, cường độ, trường độ, sự ngưng nghỉ... và được xây dựng trên cơ sở từng đơn vị ngữ điệu (intonation unit/ group) đi liền nhau theo quy luật, đặc trưng của mỗi ngôn ngữ, chẳng hạn:

He read a letter. (Anh ta đã đọc bức thư.)
(1)



Câu/ Phát ngôn (1) có 5 âm tiết (syllables), trong đó âm tiết 2 và âm tiết 4 có trọng âm (thể hiện bằng tròn to); còn âm tiết 1, 3, 5 không có trọng âm (thể hiện bằng tròn nhỏ). Phát ngôn (1) – có dấu (–) ở giữa 2 dòng kẻ (dòng kẻ trên thể hiện mức cao nhất của giọng và dòng kẻ dưới thể hiện mức thấp nhất của giọng) – được thể hiện bằng ngữ điệu xuống, bắt đầu và dựa vào âm tiết thứ nhất có trọng âm của từ 'letter'. Do đó, đây là câu/ phát ngôn khẳng định, dùng trong câu tường thuật [1], [3], [4], [5], [13], [14].

Còn nếu trong trường hợp chỉ có một đơn vị ngữ điệu, thì người ta gọi là đơn vị ngữ điệu hạt nhân (nuclear intonation unit) hoặc tối giản, chẳng hạn như mẫu hình ngữ điệu xuống trong ví dụ dưới đây:

Right. (Đúng) (2)



Phát ngôn (2) – trong đó ngữ điệu xuống được sử dụng – được gọi là đơn vị ngữ điệu hạt nhân hoặc tối giản vì đơn vị đó chỉ có duy nhất 1 âm tiết và lại là âm tiết có trọng âm [1], [3], [4], [5], [13].

Để hiểu rõ, sâu sắc hơn về ngữ điệu, chúng ta rất cần phân biệt 2 khái niệm cần yếu có liên quan, kể cả bản thân ngữ điệu, nhưng dễ bị hiểu nhầm trong nghiên cứu khoa học, cho dù giữa chúng đều có sự biến đổi cao độ của giọng nói do tần số dao động của dây thanh tạo nên. Cao độ của giọng nói thể hiện trong ngữ điệu trên cả một phát ngôn (utterance); còn cao độ của giọng nói thể hiện trong thanh điệu (tone), như trong tiếng Việt, chỉ xuất hiện trên một âm tiết. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng thanh điệu thuộc âm tiết, còn ngữ điệu thuộc phát ngôn. Nếu nhìn nhận rộng hơn và coi đó là xuất phát điểm của việc nghiên cứu nhịp điệu và ngữ điệu tiếng Anh, thì ta phải tính đến trọng âm. Trong trường hợp này, người ta nói rằng, trọng âm thuộc từ.

Do đó, theo quan niệm và quan điểm khoa học của chúng tôi thì ngữ điệu là một trong các hiện tượng ngôn điệu có tính tuyến điệu, được thể hiện bằng các thuộc tính vật lý cơ bản như cao độ, cường độ, và trường độ trong sự hòa kết để thể hiện chiều hướng lên xuống của giọng nói theo chủ ý của chủ thể phát ngôn (chủ ngôn), kết hợp với nhịp điệu và ngưng nghỉ, hợp quy luật của từng ngôn ngữ [4], [5], [13]. Ngữ điệu có các chức năng nhằm giúp cho việc diễn đạt ngữ nghĩa, biểu đạt tình thái, cảm xúc của chủ ngôn... – nhưng tuyệt nhiên không làm thay đổi nghĩa của bản thân từ, trong đó có ngữ điệu hành chức – thông qua cách dùng của nó trong từng tình huống cụ thể [1], [3], [4], [5 : 33 – 34], [13], [14].

Theo đó, ngữ điệu tiếng Anh cũng thuộc hệ thống ngữ điệu nói chung, song có những cơ sở và đặc trưng của ngôn ngữ Anh như cách lên, xuống của ngữ điệu bao giờ cũng dựa vào

và bắt đầu từ âm tiết có trọng âm của từ, tốc độ phát ngôn, nối âm (liaison), đồng hóa âm tiết (assimilation), cách thể hiện âm cuối (ending sound), cách thể hiện dạng mạnh – yếu của âm (strong form – weak form), hiện tượng trội âm (prominent), nuốt âm (elision), trường độ âm thanh, phẩm chất ngôn thanh (voice quality), cách ngưng nghỉ (pause)... để từ đó người ta có thể phân biệt được ngữ điệu Anh với ngữ điệu của các ngôn ngữ khác. Đó là điều chắc chắn, ít nhất cũng là một trong những cảm nhận ngôn điệu của người dụng ngôn. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi chỉ đi sâu nghiên cứu ngữ điệu xuống trong tiếng Anh và các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt ở người Hà Nội, nên các chức năng/ cách dùng của các mẫu hình ngữ điệu tiếng Anh khác sẽ không được trình bày ở đây.

5. Ngữ điệu xuống trong tiếng Anh ở người Hà Nội và các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt [1], [2], [5], [10], [13], [14]:

Trước khi trình bày chi tiết những nội dung cơ bản đã nêu trong mục 5, chúng ta cần lưu ý 3 vấn đề sau, khi đề cập đến mẫu hình ngữ điệu xuống (the falling tone) trong tiếng Anh:

5.1. Dạng thức



hoặc



5.2. Cách thể hiện ngữ điệu xuống

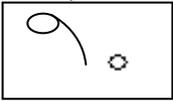
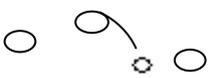
Bao giờ cũng vậy, ngữ điệu xuống luôn được bắt đầu từ âm tiết có trọng âm ở cao độ tương đối cao (so với giọng nói tự nhiên của mỗi người), rồi đi xuống và kết thúc đường nét ngữ điệu ở cao độ hơi thấp.

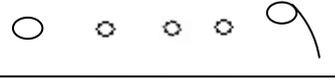
5.3. Chức năng

Chức năng chính và cơ bản của mẫu hình ngữ điệu xuống trong tiếng Anh là thể hiện sự hoàn thành, xác định, kết thúc. Còn những sắc thái khác chỉ là biểu hiện đi kèm của mẫu hình ngữ điệu này mà thôi.

Ý nghĩa/ Cách dùng	Ngữ điệu xuống (the falling tone) trong tiếng Anh ở người Hà Nội	Tương đương về nghĩa trong tiếng Việt	Các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt theo kiểu ngôn từ/ hữu ngôn (verbal) hoặc phi ngôn từ/ phi ngôn (non-verbal)
1 (được dùng)	<i>He was glad.</i>	Anh ấy vui mừng/ vui	<i>Xuống giọng</i> (phi



<p>để diễn đạt sự hoàn thành, kết thúc hoặc xác định trong phát ngôn tường thuật)</p>		<p>thích. (Đó là sự khẳng định, sự thật.)</p>	<p>ngôn) nhưng cần phải lưu ý thể hiện tự nhiên, tránh trường hợp xuống giọng lại trở thành tương đương như thanh huyền hoặc thanh nặng của tiếng Việt, hoặc làm biến đổi nghĩa của bản thân từ, hoặc làm ‘méo mó’ cách phát âm của từ ấy. Những trường hợp như thế này, cảm nhận tốt để thể hiện là vô cùng quan trọng.</p>
<p>2 (được dùng trong phát ngôn nghi vấn dạng ngắn để đáp lại thông tin trước đó)</p>	<p>Trường hợp 1: Peter: (<i>I went shopping yesterday afternoon.</i>) Jack: <i>Did you?</i></p>  <p>Trường hợp 2: Sam: (<i>She is a famous singer.</i>) Tom: <i>Is she?</i></p>  <p>Lưu ý: Trong lời đáp của Jack (trường hợp 1) và Tom (trường hợp 2), mặc dù về cấu trúc của phát ngôn là theo kiểu cấu trúc của phát ngôn nghi vấn Có – Không (phát ngôn nghi vấn dạng đảo), nhưng ngữ điệu xuống được sử dụng để đáp lại ý của chủ ngôn như trong 2 tình huống trên. Hãy nhớ rằng, động từ trong lời đáp phải phù hợp về thì và loại động từ do chủ ngôn đã dùng (Trường hợp 1, loại động từ thường, được dùng ở thì quá khứ đơn giản. Trường hợp 2, động từ ‘to be’ được dùng ở thì hiện tại đơn giản.).</p>	<p>Trường hợp 1: Peter: (Chiều hôm qua tôi đi mua hàng.) Jack: Thế à/ Thế á/ Thế hả/ Vậy à/ Vậy á/ Vậy hả? (Đáp lại ý/ câu/ phát ngôn ‘Chiều hôm qua tôi đi mua hàng.’)</p> <p>Trường hợp 2: Sam: (Cô ấy là một ca sĩ nổi tiếng.) Tom: Thế à/ Thế á/ Thế hả/ Vậy à/ Vậy á/ Vậy hả? (Đáp lại ý/ câu/ phát ngôn ‘Cô ấy là một ca sĩ nổi tiếng.’)</p>	<p>‘Thế à/ Thế á/ Thế hả/ Vậy à/ Vậy á/ Vậy hả?...’ (hữu ngôn) và kết hợp với cách thể hiện <i>xuống giọng</i> (phi ngôn) (nhưng phải thật tự nhiên), tránh trường hợp xuống giọng lại trở thành tương đương như thanh huyền hoặc thanh nặng của tiếng Việt, hoặc làm biến đổi nghĩa, làm ‘sai lệch’ cách phát âm của từ ấy. Những trường hợp như thế này, cảm nhận tốt trước khi thể hiện là vô cùng quan trọng.</p>
<p>3 (được dùng trong phát ngôn cảm thán bắt đầu bằng ‘What+danh từ/danh ngữ hoặc/và ‘How’+tính từ/trạng từ để bộc lộ cảm xúc, cảm thán của chủ</p>	<p>Trường hợp 1: <i>What a handsome man!</i></p>  <p>Trường hợp 2: <i>How nice it is!</i></p> 	<p>Trường hợp 1: Thật là một người đàn ông đẹp trai!/ Ông ta đẹp biết bao!/ Ông ta đẹp biết nhường nào!</p> <p>Trường hợp 2: Thời tiết thật là đẹp!/ Thời tiết đẹp biết bao!/ Thời tiết đẹp biết nhường nào!</p>	<p>‘Thật là...!/ ... biết bao/ biết nhường nào!...’ (hữu ngôn) và kết hợp với cách thể hiện <i>xuống giọng</i> (phi ngôn) (nhưng phải thật tự nhiên), tránh trường hợp xuống giọng lại trở thành tương đương như thanh huyền hoặc thanh nặng của tiếng Việt, hoặc làm biến</p>

thể phát ngôn)			đổi nghĩa, làm ‘sai lệch’ cách phát âm của từ ấy. Những trường hợp như thế này, cảm nhận tốt trước khi thể hiện là vô cùng quan trọng.
4 (được sử dụng trong phát ngôn nghi vấn có từ để hỏi (Wh-question), hay còn được gọi là phát ngôn nghi vấn đặc biệt)	<p><i>Why was he so late?</i></p> <hr/>  <hr/>	Tại sao anh ta lại muộn như thế/ như vậy/ đến vậy?	‘...gì/ đâu/ ở đâu/ như thế nào/ khi nào?...’ (hữu ngôn) (nhưng phải phù hợp với nghĩa của phát ngôn nghi vấn có từ để hỏi) và kết hợp với cách thể hiện <i>xuống giọng</i> (phi ngôn) (nhưng phải thật tự nhiên), tránh trường hợp xuống giọng lại trở thành tương đương như thanh huyền hoặc thanh nặng của tiếng Việt, hoặc làm biến đổi nghĩa, làm ‘sai lệch’ cách phát âm của từ ấy. Những trường hợp như thế này, cảm nhận tốt trước khi thể hiện là vô cùng quan trọng.
5 (được dùng trong các mệnh đề kết hợp/ trong câu ghép để diễn đạt hai hành động hoặc hai sự việc phân biệt, ngoài sự thể hiện ranh giới của mỗi đơn vị ngữ điệu)	<p><i>She is an engineer and can play pingpong.</i></p> <hr/>  <hr/>	Cô ta là kỹ sư và có khả năng chơi bóng bàn.	<i>Xuống giọng</i> (phi ngôn) ở cuối mỗi đơn vị ngữ điệu. Nhưng ở cuối đơn vị ngữ điệu 1 (trước ‘and’), thường có <i>ngưng nghỉ</i> một chút (phi ngôn) để thể hiện ranh giới của đơn vị ngữ điệu. Hơn nữa, việc ngưng nghỉ này có thể giúp cho chủ ngôn và người tiếp thụ phát ngôn dễ dàng phát và tiếp thụ thông tin trong phát ngôn ấy.
6 (được dùng trong phần đuôi (tag) của phát ngôn láy đuôi nhằm kiểm tra lại thông tin mà chủ ngôn cho là cần thiết (chẳng hạn trong phỏng vấn xin việc	<p><i>You are twenty three, aren't you?</i></p> <hr/>  <hr/> <p>Lưu ý: Nếu phần láy đuôi được thể hiện bằng ngữ điệu lên thì vấn đề lại hoàn toàn khác. Điều đó có nghĩa là chủ ngôn không biết nên mới hỏi. Trong trường hợp đó, phát ngôn nghi vấn láy đuôi (với ngữ điệu lên trong phần đuôi) được hiểu tương đương như phát ngôn nghi vấn Có – Không (Yes – No question).</p>	Bạn 23 tuổi, đúng không/ phải không/ có đúng không/ có phải không/ à/ há? (Chủ ngôn hỏi như vậy vì có ý kiểm tra lại thông tin.)	‘... đúng không/ phải không/ có đúng không/ có phải không/ à/ há?...’ và và kết hợp với cách thể hiện <i>xuống giọng</i> (phi ngôn) (nhưng phải thật tự nhiên), tránh trường hợp xuống giọng lại trở thành tương đương như thanh huyền hoặc thanh nặng của tiếng

làm...), hoặc muốn người tiếp thu phát ngôn đồng ý)			Việt, hoặc làm biến đổi nghĩa, làm ‘sai lệch’ cách phát âm của từ ấy. Những trường hợp như thế này, cảm nhận tốt trước khi thể hiện là vô cùng quan trọng.
---	--	--	--

* Ghi chú:

- Tròn to (O): âm tiết có trọng âm (stressed syllable)

- Tròn nhỏ (o): âm tiết không có trọng âm (unstressed syllable)

Thông qua 6 ý nghĩa/ cách dùng ngữ điệu xuống trong tiếng Anh ở người Hà Nội và các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt theo kiểu ngôn từ/ hữu ngôn (verbal) hoặc phi ngôn từ/ phi ngôn (non-verbal) vừa được trình bày trong bảng trên, chúng tôi muốn lưu ý bạn đọc một số điểm như sau:

a) Cùng diễn đạt một nội dung nào đó như chúng tôi đã trình bày qua 6 cách dùng ở trên, nhưng trong tiếng Anh, người ta có thể sử dụng ngữ điệu xuống; còn trong tiếng Việt ở người Hà Nội, có thể có các cách diễn đạt tương đương theo kiểu ngôn từ hoặc phi ngôn từ, hoặc có sự kết hợp cả 2. Đó là sự khác biệt rất cần được lưu ý bởi nếu không người Việt nói chung, người người Hà Nội nói riêng (hoặc ngay cả người Anh học tiếng Việt) sẽ rất khó hiểu và khó diễn đạt tương đương trong dịch thuật hoặc trong giao tiếp khi sử dụng 2 ngôn ngữ này. Nguyên nhân của vấn đề trên chính là do sự khác biệt về loại hình giữa 2 ngôn ngữ: tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập (isolating language), tiếng Anh thuộc loại hình ngôn ngữ phân tích tính (analytical language).

b) Nếu ngữ điệu xuống trong tiếng Anh qua các cách thể hiện ở người Hà Nội được thể hiện ở các cách dùng (2), (3), (4), (6), thì các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt theo kiểu *ngôn từ* lần lượt như ‘*Thế à/ Thế á/ Thế hả/ Vậy à/ Vậy á/ Vậy hả?...*’, ‘*Thật là... !/ ... biết bao/ biết nhường nào!...*’, ‘*...gì/ đâu/ ở đâu/ như thế nào/ khi nào?...*’, ‘*... đúng không/ phải không/ có đúng không/ có phải không/ à/ há?...*’.

c) Nếu ngữ điệu xuống trong tiếng Anh qua các cách thể hiện ở người Hà Nội được thể hiện ở các cách dùng (1), (5), thì các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt theo kiểu

phi ngôn từ lần lượt như ‘*xuống giọng*’ (phi ngôn từ); ‘*xuống giọng*’ ở cuối mỗi đơn vị ngữ điệu [nhưng thường có *ngưng nghỉ* một chút (phi ngôn từ) ở cuối đơn vị ngữ điệu 1 (nếu có 2 đơn vị ngữ điệu) để thể hiện ranh giới của mỗi đơn vị ngữ điệu (tương đương với một nhóm ngữ nghĩa) (sense group)].

d) Tương đương với các cách thể hiện ngữ điệu xuống trong tiếng Anh, thì – ngoài các yếu tố ngôn từ trong tiếng Việt như đã trình bày ở trên – người Hà Nội thường kết hợp với cách thể hiện *xuống giọng* (nhưng phải thật tự nhiên, tránh trường hợp xuống giọng lại trở thành tương đương như thanh huyền hoặc thanh nặng của tiếng Việt, hoặc làm biến đổi nghĩa, làm ‘sai lệch’ cách phát âm của từ ấy). Những trường hợp như thế này, cảm nhận tốt trước khi thể hiện là vô cùng quan trọng.

6. Kết luận

6.1. Nhìn chung, về cơ bản, chúng tôi thấy rằng, cho đến nay, có 6 cách dùng ngữ điệu xuống trong tiếng Anh và các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt ở người Hà Nội, xét trên cả 2 bình diện ngôn từ và phi ngôn từ. Tuy nhiên, việc hiểu và sử dụng được các yếu tố ngôn từ trong tiếng Việt và phi ngôn từ tương đương với mỗi cách dùng ngữ điệu xuống trong tiếng Anh cho phù hợp với từng tình huống, ngôn cảnh là rất cần yếu, cần phải được thực hành thường xuyên một cách có ý thức, có bài bản, không thể nóng vội.

6.2. Qua khảo sát sơ phạm và điều tra điền dã, người viết bài này thấy rằng người Hà Nội khó cảm nhận, cũng như không thể thể hiện được một cách chuẩn xác sự khác nhau giữa đường nét ngữ điệu (intonation contour) đi xuống mà cao độ bắt đầu từ cao xuống thấp (high fall), hoặc từ trung bình xuống thấp (low fall). Do đó, 2 kiểu mẫu hình ngữ điệu xuống này được thể hiện ở người Anh đã được người Hà Nội thể hiện ‘nhập’ làm một và trở thành mẫu hình ngữ điệu xuống duy nhất. Chính vì vậy, chúng tôi chỉ đi sâu nghiên cứu các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt ở người Hà Nội đối với ngữ điệu xuống trong tiếng

Anh đã được ‘nhập’ làm một. Nếu điều kiện cho phép, chúng tôi sẽ nghiên cứu tiếp 2 kiểu loại ngữ điệu xuống trong tiếng Anh (ở người Anh) và các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt ở người Hà Nội.

6.3. Cần phải xác định và thừa nhận một số khó khăn của người Hà Nội khi cảm nhận và sử dụng ngữ điệu xuống trong tiếng Anh trong môi trường phi bản ngữ như ở Việt Nam. Đây là thực tế không thể chối cãi. Tuy nhiên, người Việt nói chung và người Hà Nội nói riêng vẫn có thể sử dụng ngữ điệu xuống trong tiếng Anh qua giao tiếp thường nhật ở mức độ chuẩn thực tế (khoảng 60 – 70%), chưa thể đạt được mức chuẩn lí tưởng như người Anh nói tiếng Anh (không phải tiếng Anh Úc, Anh Ấn, Anh Singapore, Anh Malaysia, Anh Pháp, Anh Đức, hay Anh Bồ Đào Nha...). Vì lẽ đó, chắc chắn sẽ có khó khăn đối với người Hà Nội khi thể hiện tương đương theo kiểu ngôn từ và phi ngôn từ đối với mẫu hình ngữ điệu xuống trong tiếng Anh trong quá trình giao tiếp.

6.4. Người học nên tham gia vào các câu lạc bộ nói tiếng Anh với những chủ đề và đối tượng phù hợp với mình, dưới sự hướng dẫn của giáo viên có năng lực và trình độ tiếng Anh thực sự. Hi vọng rằng, nếu thực hành nghe – nói tiếng Anh thường xuyên như vậy, khả năng khẩu ngữ của người học nói chung, người Hà Nội nói riêng sẽ tốt hơn, đặc biệt là biết cách thể hiện ngữ điệu xuống trong tiếng Anh qua các tình huống thông thường và các cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt ở người Hà Nội, vốn còn khá xa lạ với nhiều người trong số chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cruttenden A. (1997), *Intonation*, Cambridge University Press.
2. Brazil D. (1997), *The communicative value of intonation in English*, Cambridge University Press.
3. Halliday M.A.K. (1978), *A course in spoken English: Intonation*, Oxford University Press (reprinted).

4. Nguyễn Huy Kỳ (2004), *Ngữ điệu tiếng Anh và các chức năng*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Số 4 (2004) 36.

5. Nguyễn Huy Kỳ (2006), *Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt (English intonation by the Vietnamese)* (sách chuyên luận), Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.

6. Nguyễn Huy Kỳ (2007), *Tìm hiểu một số quan hệ cơ bản giữa ngữ điệu và các phương tiện khác có liên quan*, Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Số 1+2 (72).

7. Hội Ngôn ngữ học Hà Nội, *Ngôn ngữ, Văn hóa Thăng Long - Hà Nội 1000 năm* (sách của nhiều tác giả), Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2010.

8. Đoàn Thiện Thuật (1999), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. Nguyễn Huy Kỳ (2012), *Ngữ điệu lên trong tiếng Anh ở người Hà Nội và cách thể hiện tương đương trong tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Số 10 (204).

10. James C. (1980), *Contrastive analysis*, Longman, first published.

11. Lê Quang Thiêm (1989), *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, Nhà xuất bản Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.

12. Lê Hùng Tiến (2010), *Nghiên cứu thực nghiệm và nghiên cứu dân tộc học: Hai phương pháp cơ bản trong ngôn ngữ học ứng dụng*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Ngoại ngữ tập 26, Số 2 tr. 84 - 93.

13. Nguyễn Huy Kỳ (2010), *Ngữ điệu Anh Việt và ngữ điệu Anh Anh, nhìn từ góc độ ngôn ngữ đối chiếu*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Ngoại ngữ tập 26, Số 2, tr.130 - 140.

14. O'Connor J.D. (1977), *Better English pronunciation*, Cambridge University Press (reprinted).

(Ban Biên tập nhận bài ngày 04-12-2013)